

Bản án số: 11/2018/HS-PT
Ngày 05 tháng 3 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Trần Ngọc Như

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/TLPT-HS ngày 17 tháng 01 năm 2018 do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị Q và các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị cáo có kháng cáo: Lê Thị Q (tên gọi khác: Lê Thị H), sinh năm: 1981 tại huyện H; nơi cư trú: Ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; con ông Lê Văn N, sinh năm 1953 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1957; có chồng là Lê Chí Đ, sinh năm 1978 và 01 người con sinh năm 2002; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/10/2016 cho đến nay, (có mặt).

Những bị hại có kháng cáo:

1. Tạ Thị M, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

2. Nguyễn Phong N, sinh năm 1974, (có mặt).

3. Phan Công Đ, sinh năm 1981, (có mặt).

4. Trương Thị B, sinh năm 1982, (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

5. Võ Thị Q, sinh năm 1956, (có mặt).
 6. Thái Thị X, sinh năm 1965, (có mặt).
 7. Dương Thị B, sinh năm 1961, (có mặt).
 8. Nguyễn Thị M, sinh năm 1968, (có mặt).
 9. Nguyễn Thị K, sinh năm 1987, (có mặt).
 10. Trần Văn P (T), sinh năm 1990, (có mặt).
 11. Phạm Thị T, sinh năm 1980, (có mặt).
 12. Trần Văn L, sinh năm 1986, (có mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
13. Trần Thị M, sinh năm 1963, (có mặt).
 14. Nguyễn Thị S, sinh năm 1977, (có mặt).
 15. Huỳnh Văn T, sinh năm 1970, (có mặt).
 16. Nguyễn Thị D, sinh năm 1970, (có mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
17. Trương Thị Y, sinh năm 1971, (có mặt).
- Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra trong vụ án còn có 15 Bị hại và 18 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng do không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2008, bị cáo Lê Thị Q bắt đầu tổ chức mở các dây hội tháng, quá trình thực hiện có các hội viên ở các Ấp C, L, M, A, thuộc xã A và ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia. Trong quá trình làm chủ hội từ năm 2012 đến năm 2014, do bị cáo Q cần tiền sử dụng cho cá nhân nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hội viên. Lợi dụng vào sự tin tưởng, dễ dãi của các hội viên, bị cáo đã sử dụng tên của nhiều hội viên cũ hoặc tên của những người có uy tín cùng ấp không tham gia chơi để đưa tên họ vào trong các dây hội, sau đó bị cáo tự kê rồi hốt các chung hội không nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên. Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2014 bị cáo đã thành lập được 07 dây hội tháng mỗi dây hội có số tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, trong mỗi dây hội chỉ có từ 17 đến 24 hội viên tham gia cụ thể như sau:

- Dây hội 500.000 đồng, 01 tháng mở một kỳ, kỳ đầu tiên ngày 05/4/2012 âm lịch (nhằm ngày 25/5/2012 dương lịch) bị cáo đưa ra thông tin với các hội viên có tổng số 47 chung nhưng thực tế chỉ có 20 hội viên tham gia tổng số 24 chung và đã đóng hội cho bị cáo với số tiền 120.000.000 đồng gồm: Cao Thị T tham gia 01

chung đóng 40 kỳ với số tiền 12.000.000 đồng; Võ Thị Q tham gia 01 chung đóng 40 kỳ với số tiền 12.000.000 đồng; Cao Mỹ A tham gia 01 chung đóng 40 kỳ với số tiền 12.000.000 đồng; Thái Thị X tham gia 02 chung đã đóng 40 kỳ với số tiền 24.000.000 đồng; Trần Văn L tham gia 01 chung đã đóng 40 kỳ với số tiền 12.000.000; Phan Công Đ tham gia 02 chung đã đóng 40 kỳ với số tiền 24.000.000 đồng; Trịnh Thị N tham gia 01 chung đóng 40 kỳ với số tiền 12.000.000 đồng và Trần Thị M tham gia 01 chung đã đóng 40 kỳ với số tiền 12.000.000 đồng.

Các hội viên nợ tiền hội chết chưa đóng cho bị cáo với số tiền 48.500.000 đồng gồm: Lê Thị L, đã hót 02 chung, còn nợ lại 14 kỳ với số tiền 7.000.000 đồng; Tạ Thị M đã hót 01 chung, còn nợ lại 07 kỳ với số tiền 3.500.000 đồng; Nguyễn Văn Đ đã hót 01 chung, còn nợ lại 07 kỳ với số tiền 3.500.000 đồng; Trần Thị B đã hót 02 chung, còn nợ lại 14 kỳ với số tiền 7.000.000 đồng và Phạm Ngọc B đã hót 01 chung, còn nợ lại 07 kỳ với số tiền 3.500.000 đồng; Phạm Thị N đã hót 01 chung, còn nợ lại 07 kỳ với số tiền 3.500.000 đồng; Trịnh Thị T đã hót 01 chung, còn nợ lại 07 kỳ với số tiền 3.500.000 đồng; Nguyễn Văn B đã hót 01 chung, còn nợ lại 07 kỳ với số tiền 3.500.000 đồng; Lê Thị H đã hót 01 chung, còn nợ lại 07 kỳ với số tiền 3.500.000 đồng; Đào Thị P đã hót 01 chung, còn nợ lại 07 kỳ với số tiền 3.500.000 đồng; Nguyễn Thị T đã hót 01 chung, còn nợ lại 07 kỳ với số tiền 3.500.000 đồng và Nguyễn Thị A đã hót 01 chung, còn nợ lại 06 kỳ với số tiền 3.000.000 đồng. Như vậy trong đây hội này bị cáo đã chiếm đoạt thực tế số tiền là 71.500.000 đồng.

- Dãy hội 500.000 đồng, 01 tháng mở một kỳ, kỳ đầu tiên ngày 30/02/2013 âm lịch (nhằm ngày 09/4/2013 dương lịch) bị cáo đưa ra thông tin với các hội viên có tổng số 38 chung nhưng thực tế chỉ có 19 hội viên tham gia tổng số 29 chung và đã đóng hội cho bị cáo với số tiền 142.500.000 đồng gồm: Phan Công Đ tham gia 04 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 33.600.000 đồng; Tạ Thị M tham gia 01 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Phạm Ngọc B tham gia 01 chung đã đóng 27 kỳ với số tiền 8.100.000 đồng; Cao Thị T tham gia 01 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Võ Thị Q tham gia 01 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Cao Mỹ A tham gia 01 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Thái Thị X tham gia 01 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Đặng Phương T tham gia 01 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Phạm Thị T tham gia 01 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Trần Thị M tham gia 02 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 16.800.000 đồng; Trương Thị H tham gia 01 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng và Trương Văn T tham gia 02 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 16.800.000 đồng.

Các hội viên nợ tiền hội chết chưa đóng cho bị cáo với số tiền 60.000.000 đồng gồm: Lê Thị L đã hót 03 chung, còn nợ lại 30 kỳ với số tiền 15.000.000 đồng; Phan Công Đ đã hót 01 chung, còn nợ lại 10 kỳ với số tiền 5.000.000 đồng; Nguyễn Thị N đã hót 02 chung, còn nợ lại 20 kỳ với số tiền 10.000.000 đồng; Trần Thị B đã hót 02 chung, còn nợ lại 20 kỳ với số tiền 10.000.000 đồng; Trịnh Thị T đã hót 01 chung, còn nợ lại 10 kỳ với số tiền 5.000.000 đồng; Nguyễn Văn B đã hót 01 chung, còn nợ lại 10 kỳ với số tiền 5.000.000 đồng; Đào Thị P đã hót 01 chung, còn nợ lại 10 kỳ với số tiền 5.000.000 đồng và Trịnh Thị N đã hót 01 chung, còn nợ lại 10 kỳ với số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo đã chiếm đoạt thực tế số tiền là 82.500.000 đồng.

- Dây hội 500.000 đồng, 01 tháng mở một kỳ, kỳ đầu tiên ngày 30/02/2013 âm lịch (nhằm ngày 09/4/2013 dương lịch) bị cáo đưa ra thông tin với các hội viên có tổng số 38 chung nhưng thực tế chỉ có 19 hội viên tham gia tổng số 30 chung và đã đóng hội cho bị cáo với số tiền 151.200.000 đồng gồm: Trương Thị B tham gia 02 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 16.800.000 đồng; Nguyễn Phong N tham gia 01 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Dương Thị B tham gia 02 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 16.800.000 đồng; Đặng Văn N tham gia 02 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 16.800.000 đồng; Nguyễn Thị M tham gia 01 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Đào Thị Đ tham gia 01 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Nguyễn Thị D tham gia 02 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 16.800.000 đồng; Nguyễn Thị S tham gia 02 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 16.800.000 đồng; Lê Thị C tham gia 01 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Huỳnh Văn T tham gia 02 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 16.800.000 đồng và Trần Thị L tham gia 02 chung đã đóng 28 kỳ với số tiền 16.800.000 đồng.

Các hội viên nợ tiền hội chết chưa đóng số tiền 65.000.000 đồng gồm: Lê Thị T đã hót 01 chung, còn nợ lại 10 kỳ với số tiền 5.000.000 đồng; Trần Thị H đã hót 01 chung, còn nợ lại 10 kỳ với số tiền 5.000.000 đồng; Đặng Phương T đã hót 01 chung, còn nợ lại 10 kỳ với số tiền 5.000.000 đồng; Trương Thị H đã hót 01 chung, còn nợ lại 10 kỳ với số tiền 5.000.000 đồng; Trương Văn T đã hót 01 chung, còn nợ lại 10 kỳ với số tiền 5.000.000 đồng; Huỳnh Thị T sinh đã hót 04 chung, còn nợ lại 40 kỳ với số tiền 20.000.000 đồng và nợ trước đó thêm 5.000.000 đồng; Phạm Thị T đã hót 02 chung, còn nợ lại 20 kỳ với số tiền 10.000.000 đồng và Nguyễn Thị D đã hót 01 chung, còn nợ lại 10 kỳ với số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo chiếm đoạt số tiền là 86.200.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng mở một kỳ, kỳ đầu tiên ngày 30/7/2013 âm lịch (nhằm ngày 04/9/2013 dương lịch) bị cáo đưa ra thông tin với các hụi viên có tổng số 38 chung nhưng thực tế chỉ có 18 hụi viên tham gia tổng số 28 chung và đã đóng hụi cho bị cáo với số tiền 220.800.000 đồng gồm: Nguyễn Văn Đ tham gia 02 chung đã đóng 23 kỳ với số tiền 27.600.000 đồng; Phạm Ngọc B tham gia 01 chung đã đóng 23 kỳ với số tiền 13.800.000 đồng; Dương Thị B tham gia 02 chung đã đóng 23 kỳ với số tiền 27.600.000 đồng; Nguyễn Thị M tham gia 01 chung đã đóng 23 kỳ với số tiền 13.800.000 đồng; Nguyễn Thị K tham gia 02 chung đã đóng 23 kỳ với số tiền 27.600.000 đồng; Cao Mỹ A tham gia 01 chung đã đóng 23 kỳ với số tiền 13.800.000 đồng; Lê Thị C tham gia 01 chung đã đóng 23 kỳ với số tiền 13.800.000 đồng; Huỳnh Văn T tham gia 02 chung đã đóng 23 kỳ với số tiền 27.600.000 đồng; Nguyễn Thị D tham gia 01 chung đã đóng 23 kỳ với số tiền 13.800.000 đồng; Trịnh Thị N tham gia 02 chung đã đóng 23 kỳ với số tiền 27.600.000 đồng và Trương Thị Y, tham gia 01 chung đã đóng 23 kỳ với số tiền 13.800.000 đồng.

Các hụi viên nợ tiền hụi chết chưa đóng với số tiền 176.000.000 đồng gồm: Lê Thị L đã hốt 02 chung, còn nợ lại 30 kỳ với số tiền 30.000.000 đồng; Hồ Thị H đã hốt 01 chung, còn nợ lại 15 kỳ với số tiền 15.000.000 đồng; Nguyễn Thị T đã hốt 01 chung, còn nợ lại 15 kỳ với số tiền 15.000.000 đồng; Huỳnh Văn T đã hốt 01 chung, còn nợ lại 15 kỳ với số tiền 15.000.000 đồng; Nguyễn Thị D đã hốt 01 chung, còn nợ lại 15 kỳ với số tiền 15.000.000 đồng; Trần Thị L, đã hốt 01 chung, còn nợ lại 17 kỳ với số tiền 17.000.000 đồng; Lê Thị T đã hốt 02 chung, còn nợ lại 30 kỳ với số tiền 30.000.000 đồng; Đào Thị P đã hốt 01 chung, còn nợ lại 15 kỳ với số tiền 15.000.000 đồng; Hồ Văn Đ sinh năm 1985 đã hốt 01 chung, còn nợ lại 13 kỳ với số tiền 13.000.000 đồng và Trương Thị Y đã hốt 01 chung, còn nợ lại 11 kỳ với số tiền 11.000.000 đồng. Như vậy bị cáo chiếm đoạt số tiền 44.800.000 đồng.

- Dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng mở một kỳ, kỳ đầu tiên ngày 10/02/2014 âm lịch (nhằm ngày 10/3/2014 dương lịch) bị cáo đưa ra thông tin với các hụi viên có tổng số 40 chung nhưng thực tế chỉ có 24 hụi viên tham gia tổng số 29 chung và đã đóng hụi cho bị cáo với số tiền 211.200.000 đồng gồm: Phan Công Đ tham gia 01 chung đã đóng 16 kỳ với số tiền 9.600.000 đồng; Tạ Thị M tham gia 01 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 10.200.000 đồng; Nguyễn Thị N tham gia 01 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 10.200.000 đồng; Trần Thị B tham gia 01 chung đã đóng 16 kỳ với số tiền 9.600.000 đồng; Phạm Ngọc B tham gia 02 chung đã đóng 16 kỳ với số tiền 19.200.000 đồng; Trương Thị B tham gia 01 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 10.200.000 đồng; Cao Thị T tham gia 01 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền

10.200.000 đồng; Võ Thị Q tham gia 01 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 10.200.000 đồng; Cao Mỹ A tham gia 01 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 10.200.000 đồng; Nguyễn Thị M tham gia 01 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 10.200.000 đồng; Nguyễn Thị K tham gia 01 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 10.200.000 đồng; Trần Văn P tham gia 01 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 10.200.000 đồng; Huỳnh Thị T tham gia 01 chung đã đóng 16 kỳ với số tiền 9.600.000 đồng; Huỳnh Văn T tham gia 02 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 20.400.000 đồng; Nguyễn Ngọc D tham gia 01 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 10.200.000 đồng; Trịnh Thị N tham gia 01 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 10.200.000 đồng; Đào Thị P tham gia 01 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 10.200.000 đồng và Trương Thị Y tham gia 02 chung đã đóng 17 kỳ với số tiền 20.400.000 đồng.

Các hội viên nợ tiền hội chết chưa đóng cho bị cáo 183.000.000 đồng gồm: Lê Thị L đã hót 01 chung, còn nợ lại 23 kỳ với số tiền 23.000.000 đồng; Lê Thị T đã hót 01 chung, còn nợ lại 24 kỳ với số tiền 24.000.000 đồng; Nguyễn Văn B đã hót 01 chung, còn nợ lại 23 kỳ với số tiền 23.000.000 đồng; Phan Văn Đ đã hót 01 chung, còn nợ lại 23 kỳ với số tiền 23.000.000 đồng; Trịnh Thị N đã hót 01 chung, còn nợ lại 23 kỳ với số tiền 23.000.000 đồng; Lê Thị T đã hót 02 chung, còn nợ lại 46 kỳ với số tiền 46.000.000 đồng và Hồ Văn Đ đã hót 01 chung, còn nợ lại 21 kỳ với số tiền 21.000.000 đồng. Như vậy trong đây hội này bị cáo chiếm đoạt thực tế số tiền là 28.200.000 đồng.

- Dãy hội 1.000.000 đồng, 01 tháng mở một kỳ, kỳ đầu tiên ngày 10/8/2014 âm lịch (nhằm ngày 03/9/2014 dương lịch) bị cáo đưa ra thông tin với các hội viên có tổng số 40 chung nhưng thực tế chỉ có 17 hội viên tham gia tổng số 20 chung và đã đóng hội cho bị cáo với số tiền 111.600.000 đồng gồm: Phan Công Đ tham gia 02 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 13.200.000 đồng; Trương Thị B tham gia 01 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 6.600.000 đồng; Nguyễn Phong N tham gia 01 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 6.600.000 đồng; Phạm Ngọc B tham gia 01 chung đã đóng 10 kỳ với số tiền 6.000.000 đồng; Trần Văn L tham gia 01 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 6.600.000 đồng; Dương Thị B tham gia 01 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 6.600.000 đồng; Đặng Văn N tham gia 01 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 6.600.000 đồng; Nguyễn Thị M tham gia 01 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 6.600.000 đồng; Thái Thị X tham gia 01 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 6.600.000 đồng; Nguyễn Thị K tham gia 01 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 6.600.000 đồng; Phạm Thị T tham gia 02 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 13.200.000 đồng; Phan Thị O tham gia 01 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 6.600.000 đồng; Cao Mỹ A tham gia 01 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 6.600.000

đồng; Nguyễn Ngọc D tham gia 01 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 6.600.000 đồng và Lê Thị T tham gia 01 chung đã đóng 11 kỳ với số tiền 6.600.000 đồng.

Các hội viên nợ tiền hội chết chưa đóng là 88.000.000 đồng gồm: Lê Thị L đã hót 02 chung, còn nợ lại 58 kỳ với số tiền 58.000.000 đồng; Trần Thị H đã hót 01 chung, còn nợ lại 29 kỳ với số tiền 29.000.000 đồng và trước thêm 1.000.000 đồng. Như vậy trong đây hội này bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 23.600.000 đồng.

- Đây hội 1.000.000 đồng, 01 tháng mở một kỳ, kỳ đầu tiên ngày 05/11/2014 âm lịch (nhằm ngày 26/12/2014 dương lịch) bị cáo đưa ra thông tin với các hội viên có tổng số 40 chung nhưng thực tế chỉ có 17 hội viên tham gia tổng số 24 chung và đã đóng hội cho bị cáo với số tiền 91.200.000 đồng gồm: Phan Công Đ tham gia 03 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 12.600.000 đồng; Nguyễn Phong N tham gia 01 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 4.200.000 đồng; Dương Thị B tham gia 01 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 4.200.000 đồng; Thái Thị X tham gia 02 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Cao Mỹ A tham gia 01 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 4.200.000 đồng; Đặng Văn N tham gia 01 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 4.200.000 đồng; Nguyễn Thị M tham gia 02 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Đào Thị Đ tham gia 01 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 4.200.000 đồng; Trần Văn P tham gia 01 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 4.200.000 đồng; Phan Thị O tham gia 02 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Phan Văn Đ tham gia 01 chung đã đóng 06 kỳ với số tiền 3.600.000 đồng; Trần Thị M tham gia 02 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng; Lê Thị C tham gia 01 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 4.200.000 đồng; Nguyễn Thị D tham gia 01 chung đã đóng 06 kỳ với số tiền 3.600.000 đồng; Trịnh Thị N tham gia 02 chung đã đóng 07 kỳ với số tiền 8.400.000 đồng.

Các hội viên nợ tiền hội chết chưa đóng là 66.000.000 đồng gồm: Lê Thị L đã hót 01 chung, còn nợ lại 33 kỳ với số tiền 33.000.000 đồng; Nguyễn Văn B đã hót 01 chung, còn nợ lại 33 kỳ với số tiền 33.000.000 đồng. Như vậy trong đây hội này bị cáo chiếm đoạt số tiền là 25.200.000 đồng.

* Tổng hợp 07 đây hội không bị cáo Lê Thị Q đã nhận tiền của các hội viên đóng tiền nuôi hội với tổng số là 1.048.500.000 đồng. Đồi trừ số tiền của các hội viên đã hót nhưng chưa đóng tiền hội chết cho bị cáo tổng số là 686.500.000 đồng. Như vậy, số tiền mà bị cáo Q đã chiếm đoạt để sử dụng cho mục đích cá nhân là 362.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian (từ tháng 02/2014 đến tháng 8/2014 âm lịch nhằm tháng 3/2014 đến tháng 9/2014 dương lịch) bị cáo còn đưa ra thông tin gian dối có người cần tiền muốn bán hội còn sống với giá thấp. Vì tin tưởng bà Nguyễn

Thị M đã đồng ý mua với số tiền 25.240.000 đồng và anh Nguyễn Duy L với số tiền 26.740.000 đồng. Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Q (Lê Thị H) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Q 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2016.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về về trách nhiệm dân sự, lãi suất, Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án, án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/12/2017, bị cáo Lê Thị Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngày 19/12/2017, các bị hại Tạ Thị M, Nguyễn Phong N, Võ Thị Q, Thái Thị X, Dương Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị K, Trần Văn P (T), Phạm Thị T, Trần Văn L, Trần Thị M, Nguyễn Thị S, Huỳnh Văn T, Nguyễn Thị D, Phan Công Đ, Trương Thị Y, Trương Thị B kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Q. Tại phiên tòa, các bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị: Về thủ tục tố tụng: Bị hại bà Tạ Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 292 và điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xét thấy việc xét xử không gây bất lợi cho bị hại nên, đề nghị xét xử vắng mặt bà Tạ Thị M tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Bị cáo Lê Thị Q có hành vi bán hội khổng và hốt hội khổng chiếm đoạt tổng số tiền của các bị hại số tiền là 413.980.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Q 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp, bổ sung tình tiết giảm nhẹ nào mới so với án sơ thẩm nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo; những bị hại kháng cáo cũng không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ gì mới nên cũng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị hại Tạ Thị M vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 292 và điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử thấy rằng, ở vụ án này bị hại kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Q nên việc vắng mặt của bị hại tại phiên tòa hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt bị hại Tạ Thị M tại phiên tòa hôm nay.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp lời khai của những bị hại cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nên đủ căn cứ để xác định quá trình làm chủ hội từ năm 2012 đến năm 2014, do bị cáo Q cần tiền sử dụng cho cá nhân nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hội viên, bị cáo Q đã sử dụng tên của nhiều hội viên cũ hoặc tên của những người có uy tín cư trú cùng ấp không tham gia chơi để đưa tên họ vào danh sách hội viên, sau đó bị cáo tự kê rồi hốt các chung hội không nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên, bằng cách thức nêu trên bị cáo Q đã chiếm đoạt tiền của các hội viên để sử dụng cho mục đích cá nhân tổng cộng là 362.000.000 đồng. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 9/2014 bị cáo Q còn đưa ra thông tin gian dối có người cần tiền muốn bán hội còn sống với giá thấp để chiếm đoạt số tiền của bà Nguyễn Thị M 25.240.000 đồng và anh Nguyễn Duy L 26.740.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 413.980.000 đồng.

Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo Q nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, số tiền bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 413.980.000 đồng. Do đó, việc truy tố, xét xử sơ thẩm đối với bị cáo Lê Thị Q với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương nên cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo là phù hợp. Cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai cáo, ăn năn hối cải

và được một số người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nhiều lần nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Q 08 năm tù chỉ là trên mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với án sơ thẩm, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo của các bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại lên đến hơn 400.000.000 đồng nên bị cáo đã phải chịu tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tại phiên tòa hôm nay, các bị hại cũng không cung cấp, bổ sung tài liệu nào mới hơn với án sơ thẩm. Như đã phân tích, hình phạt 08 năm tù án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị hại.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Trương Thị B cung cấp các bản photo Đơn xin thành lập tổ hòa giải để chứng minh số tiền của Lê Thị L nợ bị cáo Q không lên đến 166.000.000 đồng như kết luận trong Cáo trạng của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, qua kiểm tra các ngày tháng ghi trên các Đơn nêu trên không trùng khớp với thời gian các dây hui bị cáo Q bị truy tố và xét xử. Mặt khác, số tiền hui của bị cáo Q đã được các cơ quan tiến hành tố tụng xác định rõ ràng, đảm bảo chính xác, có đối chiếu với lời khai các bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, do đó, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị hại Trương Thị B.

[7] Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và các bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thị Q không được chấp nhận kháng cáo nên phải nộp 200.000 đồng và các bị hại bị hại Tạ Thị M, Nguyễn Phong N, Võ Thị Q, Thái Thị X, Dương Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị K, Trần Văn P(T), Phạm Thị T, Trần Văn L, Trần Thị M, Nguyễn Thị S, Huỳnh Văn T, Nguyễn Thị D, Phan Công Đ, Trương Thị Y, Trương Thị B có kháng cáo không

được chấp nhận nên mỗi người phải nộp 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[9] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, lãi suất, Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án, án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị Q (Lê Thị H); không chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của các bị hại Tạ Thị M, Nguyễn Phong N, Võ Thị Q, Thái Thị X, Dương Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị K, Trần Văn P (T), Phạm Thị T, Trần Văn L, Trần Thị M, Nguyễn Thị S, Huỳnh Văn T, Nguyễn Thị D, Phan Công Đ, Trương Thị Y, Trương Thị B và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Q (Lê Thị H) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Lê Thị Q (Lê Thị H) 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2016.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị Q (Lê Thị H) phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Các bị hại Tạ Thị M, Nguyễn Phong N, Võ Thị Q, Thái Thị X, Dương Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị K, Trần Văn P(T), Phạm Thị T, Trần Văn L, Trần Thị M, Nguyễn Thị S, Huỳnh Văn T, Nguyễn Thị D, Phan Công Đ, Trương Thị Y, Trương Thị B mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2017/HSST ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện H về trách nhiệm dân sự, lãi suất,

Luật thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án, án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (2 bản);
 - VKSND huyện H (1 bản);
 - Cơ quan HS nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
 - TAND huyện H (2 bản);
 - CQĐT huyện H (1 bản);
 - THA huyện H (1 bản)
- (để thi hành);
- Nhà tạm giữ CA huyện H (2 bản)
- (Để tổng đạt cho bị cáo);
- Bị hại (mỗi người 01 bản);
 - Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
 - Lưu: HS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Châu Minh Nguyệt